

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
 ĐƠN VỊ: KHOA MÔI TRƯỜNG

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

| | | | |
|----------------------------------|--|-------------|---------------|
| Tên học phần: | Con người và Môi trường | | |
| Mã học phần: | 71ENVH10012 | Số tín chỉ: | 2 |
| Mã nhóm lớp học phần: | 231_71ENVH10012_01, 02, 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10, 11, 13 | | |
| Hình thức thi: Tiểu luận | Thời gian làm bài: | 7 | Phút/ ngày |
| <input type="checkbox"/> Cá nhân | <input checked="" type="checkbox"/> Nhóm | | |
| <i>Quy cách đặt tên file</i> | <i>Mã SV_Ho và ten SV_Mã nhóm lớp học phần</i> | | |

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TIEUL_De 1

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|--|--------------------|--|--|----------------|-------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Xác định được mối quan hệ giữa con người và môi trường; và giải thích được nguyên nhân và tác động của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. | Tiểu luận | 20% | Nội dung 1 trong Rubric 2 – Rubric 5 | 2 | |
| CLO2 | Có khả năng đề xuất các giải pháp cơ bản giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tiết kiệm tài nguyên và năng lượng. | Tiểu luận | 20% | Nội dung 1 trong Rubric 2 – Rubric 5 | 2 | |
| CLO3 | Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. | Tiểu luận | 15% | Rubric 1 | 1,5 | |
| CLO4 | Xây dựng kỹ năng giải quyết vấn đề. | Tiểu luận | 15% | Rubric 1 | 1,5 | |
| CLO5 | Thái độ hành xử đúng đắn với môi trường. | Tiểu luận | 30% | Nội dung “thuyết minh” trong Rubric 2 – Rubric 5 | 3 | |

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Sinh viên thực hiện dự án cuối kỳ với nội dung liên quan đến môn học. Sinh viên có thể thiết kế các sản phẩm với nội dung liên quan đến truyền tải thông điệp về môi trường. Sinh viên có thể chọn 1 trong những sản phẩm sau:

- Thiết kế poster, tranh cổ động (A0);
- Sản phẩm tái chế/tái sử dụng;
- Video mang nội dung tuyên truyền môi trường;
- Fanpage/Blog truyền tải nội dung về môi trường.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

- Sinh viên thực hiện dự án cuối kỳ với các hình thức giảng viên đã trao đổi trên lớp;
- Sinh viên sẽ trình bày dự án với giảng viên phụ trách lớp học phần;
- Sinh viên thực hiện dự án theo nhóm.

3. Rubric và thang điểm

Rubric 1: Đánh giá cá nhân làm việc nhóm (dành cho SV)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|--------------------------------------|--------------|--|-----------------------------|---|------------------------------|
| Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ | 15 | (100% x số lần họp nhóm) ÷ (chia đều cho tổng số lần họp nhóm) | | | |
| Thái độ tham gia tích cực | 15 | Kết nối tốt | Kết nối khá tốt khác | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở | Không kết nối |
| Ý kiến đóng góp hữu ích | 20 | Sáng tạo/rất hữu ích | Hữu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan | Không nộp/ Trễ gây ảnh hưởng |

| | | | | | |
|----------------------------------|----|----------------------|-------------------------|--|---------------------|
| | | | | trọng nhưng đã khắc phục | không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt | 30 | Đáp ứng tốt/sáng tạo | Đáp ứng khá tốt yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng | Không sử dụng được |

Rubric 2: Đánh giá Poster

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|---|--------------|---|--|--|---|
| Nội dung trình bày | 30 | Chính xác, khoa học | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng |
| Đủ các nội dung cần trình bày | 20 | Đầy đủ | Khá đầy đủ còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Tương đối đầy đủ nội dung cần trình bày | Thiếu nhiều nội dung cần trình bày |
| Thiết kế Poster đẹp/ phù hợp với chủ đề | 30 | Cấu trúc rất hợp lý Rất trực quan và thẩm mỹ | Cấu trúc khá hợp lý Khá trực quan | Cấu trúc tương đối hợp lý Tương đối trực quan | Cấu trúc chưa hợp lý Rất khó theo dõi |
| Thuyết minh sản phẩm | 20 | Đáp ứng ý tưởng thiết kế, trình bày ngắn gọn, logic | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng | | |

Rubric 3: Đánh giá Fanpage/ Blog

| Tiêu chí | | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% | |
|--|-----------------------------|--------------|---|---|---|--|--|
| Nội dung trình bày đủ và chính xác, khoa học | Chính xác, khoa học | 20 | Chính xác, khoa học | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ | Tương đối chính xác, khoa học, còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng | |
| | Đầy đủ các nội dung yêu cầu | 20 | Đầy đủ | Khá đầy đủ còn thiếu 25% nội dung yêu cầu | Thiếu 50% nội dung yêu cầu | Thiếu tất cả các nội dung yêu cầu | |
| Thiết kế Fanpage đẹp/ phù hợp với chủ đề | | 20 | Cấu trúc logic Rất thẩm mỹ và thu hút | Cấu trúc khá logic, còn 1-2 điểm chưa logic Khá thẩm mỹ, thu hút | Cấu trúc còn >2 điểm chưa logic Tương đối thẩm mỹ, thu hút | Cấu trúc không logic Không thẩm mỹ, khó theo dõi | |
| Sáng tạo | | 10 | Có 3 điểm về mặt nội dung và thiết kế phong phú/ sáng tạo hơn yêu cầu | Có 2 điểm về mặt nội dung và thiết kế phong phú/ sáng tạo hơn yêu cầu | Có 1 điểm về mặt nội dung và thiết kế phong phú/ sáng tạo hơn yêu cầu | Không có điểm nào về mặt nội dung và thiết kế phong phú/sáng tạo hơn yêu cầu | |
| Thuyết minh sản phẩm | | 15 | Trình bày ngắn gọn, thuyết phục về sản phẩm | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng | | | |
| Fanpage được yêu thích | | 15 | 20% số nhóm sinh viên có lượt like và share fanpage nhiều nhất | 30% số nhóm sinh viên có lượt like và share fanpage nhiều thứ 2 | 30% số nhóm sinh viên có lượt like và share fanpage nhiều thứ 3 | 20% số nhóm sinh viên có lượt like và share fanpage nhiều thứ 4 | |

Rubric 4: Đánh giá sản phẩm tái chế

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém < 25% |
|--------------------------|--------------|--|---|--|--|
| Ý tưởng và tính sáng tạo | 25 | Rất ý nghĩa và có tính mới trong việc bảo vệ môi trường | Rất ý nghĩa nhưng chưa thể hiện được tính mới trong bảo vệ môi trường | Có ý nghĩa nhưng chưa thể hiện được tính mới trong bảo vệ môi trường | Ý nghĩa không phù hợp và không có tính mới trong bảo vệ môi trường |
| Nguyên vật liệu | 15 | Sử dụng 100% bằng các nguyên liệu thải bỏ | Sử dụng 75% các nguyên liệu thải bỏ | Sử dụng 50% các nguyên liệu thải bỏ | Không sử dụng các nguyên liệu thải bỏ |
| Chế tạo sản phẩm | 10 | Quy trình chế tạo sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, logic và có minh chứng đầy đủ hình ảnh và video của nhóm trong quá trình chế tạo | Quy trình chế tạo sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, và có video thực hiện của nhóm trong quá trình chế tạo sản phẩm nhưng | Quy trình chế tạo sản phẩm rõ ràng, đầy đủ, nhưng thiếu minh chứng | Quy trình chế tạo chưa rõ ràng, đầy đủ và chưa logic |

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém < 25% |
|----------------------|--------------|---|--|---|--|
| | | | thiếu hình ảnh minh chứng | | |
| Sản phẩm tái chế | 25 | Sản phẩm sáng tạo, đẹp, độc đáo, có ý nghĩa trong bảo vệ môi trường và có tính thương mại | Sản phẩm sáng tạo, đẹp, nhưng chưa độc đáo, có ý nghĩa trong bảo vệ môi trường và có tính thương mại | Sản phẩm đẹp, nhưng chưa độc đáo, thiếu tính sáng tạo, có ý nghĩa trong bảo vệ môi trường nhưng thiếu tính thương mại | Sản phẩm thiếu tính sáng tạo, không độc đáo, không có ý nghĩa trong bảo vệ môi trường và thiếu tính thương mại |
| Thuyết minh sản phẩm | 15 | Trình bày ngắn gọn, thuyết phục về sản phẩm | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng | | |
| Tuân thủ tiến độ | 10 | Đúng tiến độ | Trễ 1 ngày | Trễ 2 ngày | Trễ 3 ngày |

Rubric 5: Đánh giá video

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém < 25% |
|--------------------------------------|--------------|--|--|---|--|
| Chủ đề | 15 | Chủ đề đưa ra một thông điệp quan trọng, có tính mới, có giá trị giáo dục cao và liên quan đến nội dung môn học. | Chủ đề có giá trị giáo dục và liên quan đến nội dung môn học. | Có một chủ đề nhưng nội dung chưa tập trung tốt, lan man qua các chủ đề khác. | Chủ đề không liên quan nội dung môn học |
| Nội dung | 20 | Các thông tin và hình ảnh của video rất phù hợp với chủ đề. Được nghiên cứu cẩn thận và chính xác. Sử dụng thông tin để rút ra các kết luận hợp lý của chủ đề. | Các thông tin và hình ảnh của video thể hiện được chủ đề. Các thông tin trong video được nghiên cứu cẩn thận và chính xác. Có thể thông qua các thông tin để rút ra được kết luận về chủ đề. | Các thông tin và hình ảnh trong video cũng được nghiên cứu, nói chung chính xác và cũng có thể đưa ra vài kết luận. | Các thông tin và hình ảnh trong video không chính xác, không thể đưa ra được kết luận. |
| | 10 | Cấu trúc rất hợp lý | Cấu trúc khá hợp lý | Cấu trúc tương đối hợp lý | Cấu trúc chưa hợp lý |
| Sáng tạo | 20 | Sử dụng các chức năng sản xuất video, hiệu ứng để chuyên tải các nội dung theo cách hiệu độc đáo về chủ đề. | Sử dụng các chức năng sản xuất video, hiệu ứng một cách độc đáo và mới mẻ. | Sử dụng các chức năng sản xuất video, hiệu ứng một cách độc đáo và mới mẻ, nhưng những điều này có lúc làm khán giả phân tâm. | Không sử dụng các chức năng sản xuất video, hiệu ứng một cách độc đáo và mới mẻ |
| Đảm bảo tốt các yêu cầu về trực quan | 10 | Rất trực quan và thẩm mỹ | Khá trực quan và thẩm mỹ | Tương đối trực quan và thẩm mỹ | Ít/Không trực quan và thẩm mỹ |
| Tương tác cộng đồng | 10 | 20% số nhóm sinh viên có lượt like và | 30% số nhóm sinh viên có lượt like và | 30% số nhóm sinh viên có lượt like | 20% số nhóm sinh viên có lượt like và |

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém < 25% |
|----------------------|--------------|---|------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| | | share video nhiều nhất | share video nhiều thứ 2 | và share video nhiều thứ 3 | share video nhiều thứ 4 |
| Thuyết minh sản phẩm | 15 | Trình bày ngắn gọn, thuyết phục về sản phẩm | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng | | |

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2023
Giảng viên ra đề

PGS. TS. Lê Thị Kim Oanh

TS. Huỳnh Tấn Lợi